

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT**ĐẾN 30/9/2008****I. Bảng cân đối kế toán***Đơn vị tính: đồng*

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I	Tài sản ngắn hạn	466,081,828,063	392,628,748,207
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	51,045,819,732	30,212,044,201
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	88,000,000,000	37,034,250,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	212,104,861,321	226,573,508,287
4	Hàng tồn kho	104,223,074,593	88,210,000,906
5	Tài sản ngắn hạn khác	10,708,072,417	10,598,944,813
II	Tài sản dài hạn	377,001,203,011	429,887,616,409
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	<u>186,600,750,397</u>	<u>239,324,949,348</u>
	- Tài sản cố định hữu hình	146,612,790,959	136,012,129,839
	- Tài sản cố định vô hình	2,318,560,728	3,455,734,834
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	37,669,398,710	99,857,084,675
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	55,455,983,051	58,214,639,125
5	Tài sản dài hạn khác	134,944,469,563	132,348,027,936
III	Tổng cộng tài sản:	843,083,031,074	822,516,364,616
IV	Nợ phải trả	295,806,883,019	287,105,106,991
1	Nợ ngắn hạn	232,717,055,827	221,642,569,901
2	Nợ dài hạn	63,089,827,192	65,462,537,090
V	Vốn chủ sở hữu	535,617,178,290	523,842,603,777
1	Vốn chủ sở hữu	<u>532,285,445,447</u>	<u>520,902,269,297</u>
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250,000,000,000	250,000,000,000

	- Thặng dư vốn cổ phần	145,188,119,554	145,188,119,554
	- Cổ phiếu quỹ	(45,570,000)	(45,570,000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	155,348
	- Các quỹ	91,270,614,424	101,210,819,054
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	45,872,281,469	24,548,745,341
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	<u>3,331,732,843</u>	<u>2,940,334,480</u>
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	3,331,732,843	2,940,334,480
	- Nguồn kinh phí	-	
	'- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	Lợi ích của Cổ đông thiểu số	11,658,969,765	11,568,653,848
VII	Tổng cộng nguồn vốn:	843,083,031,074	822,516,364,616

II. Kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	LUỸ KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	429,370,360,968	1,365,634,157,552
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	434,633,815	1,446,416,395
3	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	428,935,727,153	1,364,187,741,157
4	Giá vốn hàng bán	384,468,044,751	1,225,282,799,264
5	Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	44,467,682,402	138,904,941,893
6	Doanh thu hoạt động tài chính	9,509,500,932	25,946,276,841
7	Chi phí tài chính	8,787,284,117	33,278,688,293
8	Chi phí bán hàng	30,459,077,708	91,646,465,775
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,112,701,834	14,706,956,879

10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8,618,119,675	25,219,107,787
11	Thu nhập khác	1,000,377,797	4,178,557,831
12	Chi phí khác	596,436,633	2,058,435,395
13	Lợi nhuận khác	403,941,164	2,120,122,436
14	Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết	243,268,577	1,225,851,320
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9,265,329,416	28,565,081,543
16	Chi phí thuế TNDN	1,214,799,429	3,518,465,253
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	8,050,529,987	25,046,616,290
	<i>Trong đó: - Lợi ích của Cổ đông của công ty</i>	<i>7,994,556,277</i>	<i>24,548,745,341</i>
	<i>- Lợi ích của Cổ đông thiểu số</i>	<i>55,973,710</i>	<i>497,870,949</i>
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)		
20	Cổ tức trên một cổ phiếu		

Hà Nội, Ngày 20 tháng 10 năm 2008

Tổng giám đốc công ty